

Công ty Cổ phần Chăn nuôi

PHÚ SƠN

Địa chỉ: 101 ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061 386 9064 – 386 9700

Fax: 061 386 9065

www.channuoipluson.com.vn



Báo cáo thường niên - 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI

PHÚ SƠN



Mục lục

VIẾT TẮT

BCTN: Báo cáo thường niên

CTCP: Công ty cổ phần

HDQT: Hội đồng quản trị

BGD: Ban giám đốc

BKS: Ban kiểm soát

Công ty: Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**NỘI
DUNG**



GIỚI THIỆU

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
Giấy CNĐKDN số:	3600271092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ba vào ngày 05/09/2013
Vốn điều lệ:	45.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư CSH:	45.000.000.000 đồng
Địa chỉ:	101 Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại:	(061) 386 9064 - 386 9700
Số fax:	(061) 386 9065
Email:	phuson@cnphuson.com.vn
Website:	www.channuoiphuson.com.vn
Mã cổ phiếu:	PSL

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM 1976

Thành lập Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn vào tháng 03/1976

NĂM 1984

Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn sáp nhập vào Công ty Chăn nuôi Đồng Nai



NĂM 1994

Quốc doanh chăn nuôi heo Phú Sơn được tách khỏi Công ty Chăn nuôi Đồng Nai thành đơn vị hạch toán độc lập và đổi tên thành Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn. Công ty tiếp nhận xí nghiệp chăn nuôi heo Long Thành vào tháng 12/1994.

NĂM 1997

Công ty tiếp nhận Xí nghiệp chăn nuôi heo Đông Phương



NĂM 2005

- Công ty tiếp nhận Xí nghiệp chăn nuôi gà Đồng Nai
- Cổ phần hóa, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2005



NĂM 2010

Đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán (UpCOM)

Các thành tích

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Ban lãnh đạo công ty không ngừng nỗ lực nhằm phát triển Công ty hội nhập vào xu thế mới. Từ 1979 đến nay, Công ty đã được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý, cụ thể:

- Năm 1979: Huân chương lao động hạng 3.
- Năm 1992: Huân chương lao động hạng 2.
- Năm 1996: Huân chương lao động hạng 1.
- Năm 2000: Anh hùng lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng uy tín từ hiệp hội người tiêu dùng như:

- Năm 2005: Cúp vàng Thương Hiệu Việt.
- Năm 2006: Cúp vàng Topten sản phẩm uy tín chất lượng.
- Năm 2007: Cúp vàng "Thương hiệu và nhãn hiệu".

Năm 2003: Công ty nhận chứng chỉ Quản lý chất lượng ISO 9001:2000

Năm 2010: Công ty đã chuyển đổi sang chứng chỉ ISO 9001:2008

Năm 2013: Công ty sản xuất theo tiêu chuẩn Viet Gap và đã được đánh giá lại vào ngày 20/01/2016.



Ngành nghề kinh doanh

- Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm (chăn nuôi đà điểu);
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (với những sản phẩm chính là các loại gia súc, gia cầm và những vật nuôi khác như: cá sấu, đà điểu, baba, rắn và các loại nông sản, nguyên vật liệu chế biến thức ăn gia súc, chăn nuôi);
- Chăn nuôi khác (rắn, baba, cá sấu);
- Buôn bán thực phẩm (các loại thủy sản);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (chế biến súc sản, thủy sản);
- Hoạt động thú y (cố vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ chăn nuôi);
- Xây dựng nhà các loại (xây dựng chuồng trại, cơ sở hạ tầng);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (cụ thể như sản xuất nguyên vật liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (sản xuất thủy sản);
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (buôn bán xăng dầu nhớt theo mạng lưới xăng dầu của tỉnh);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư).



Địa bàn kinh doanh

Công ty cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm chăn nuôi gia súc đảm bảo tiêu chuẩn sạch, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định. Những thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty với số lượng đáng kể bao gồm:

- Heo thịt chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.
- Heo giống chủ yếu được tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung trở vào đến các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ. Tinh heo chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Những sản phẩm tiêu biểu



- Heo giống nuôi thịt

Sản phẩm bán ra thị trường là những heo con nuôi thịt khoảng 65 ngày tuổi có trọng lượng từ 18-25kg. Những heo giống này đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vaccine cho một số bệnh như: Dịch tả, Lở mồm long móng (FMD), Myco Plasma, PRRS (tai xanh), v.v...

- Heo hậu bị giống

Heo hậu bị đực gồm các giống thuần Yorkshire, Landrade, Duroc. Heo hậu bị cái gồm các giống Yorkshia, Landrade, Duroc thuần hoặc heo lai Land - York, heo lai York - Land. Heo có nguồn gốc từ các giống heo ngoại nhập cho năng suất cao. Heo con nuôi thịt có khả năng phát triển tốt, mau lớn.



- Heo thịt

Là heo có chất lượng tốt từ những giống heo cho tỷ lệ thịt cao. Cam kết không sử dụng các hóa chất cấm. Đảm bảo không có chất kháng sinh vì đã áp dụng thời gian ngừng thuốc đúng quy định.

- Tinh heo

Sản phẩm chất lượng cao

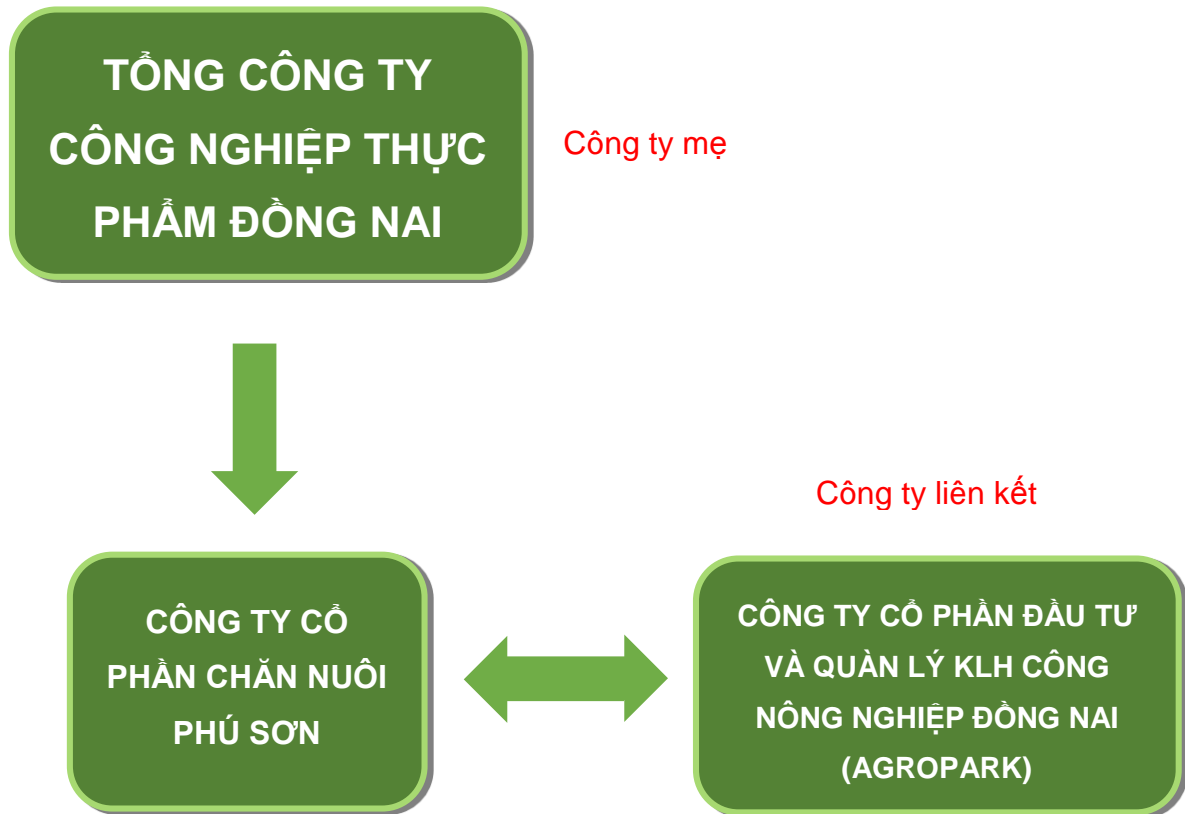


An toàn và thân thiện

❖ **Mô hình quản trị**

Hiện nay, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, với tỷ lệ nắm giữ ở PSL là 73,56% vốn điều lệ (tương đương 3.310.088 cổ phiếu PSL).

Ngoài ra, từ năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý KLH Công Nông Nghiệp Đồng Nai (AGROPARK) đã trở thành Công ty liên kết của Phú Sơn.



Hình 1. Mô hình quản trị

CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty mẹ

**Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm
Đồng Nai**

Trụ sở chính: 21, Đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Đồng Nai.

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp; cung cấp vật tư nông nghiệp và chế biến nông sản thực phẩm; khai thác tài nguyên và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ - du lịch – thương mại – xuất nhập khẩu.

Điện thoại: 061.3836110

Fax: 061.3836132

Website: <http://www.dofico.com.vn/>



Công ty liên kết

**Công ty cổ phần Đầu tư quản lý Khu
liên hợp Công Nông Nghiệp Đồng Nai
(AGROPARK)**

Trụ sở chính: Số 23 (khu B), đường 3A,
Khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP Biên
Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.3 993 449

Fax: 061.8 899 828

Website: <http://agropark.vn/>



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn bao gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Giám đốc, Các đơn vị và chức danh quản lý khác của công ty. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã góp phần vào việc tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; và nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư.



Hình 2. Sơ đồ bộ máy quản lý

PSL

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược của Công ty
Chiến lược phát triển trung và dài hạn
Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội
Rủi ro



Các mục tiêu, chiến lược của Công ty

Chất lượng sản phẩm:

- Cam kết cung cấp sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng cao.

Quy mô sản xuất:

- Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất chuồng trại và tận dụng các phế phẩm để giải quyết các vấn đề môi trường để không ngừng mở rộng quy mô sản xuất.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Áp dụng kỹ thuật quản lý hiện đại và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Đa dạng hóa các mặt hàng sản xuất và dịch vụ:

- Triển khai, mở rộng, đa dạng hóa hoạt động sản xuất khác như kinh doanh xăng dầu, sử dụng khu đất để liên doanh xây dựng các khu dân cư, v.v... bên cạnh hoạt động chủ lực là chăn nuôi.

Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y:

- Tuân thủ quy trình quản lý chất lượng theo quy định của Công ty.

Hoạt động đầu tư:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đối với công tác sản xuất

- Không ngừng nghiên cứu các loại giống mới nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng các giống hiện có;
- Phòng ngừa và hạn chế tối đa các dịch bệnh thông qua công tác chăm sóc và kiểm tra định kỳ;
- Tập trung đầu tư cho đàn heo hậu bị và heo nái nhằm tạo bước đột phá về năng suất.

Đối với công tác quản lý

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ quy định theo quy định của Công ty;
- Tăng cường kiểm soát việc tuân thủ các quy trình, quy định của Công ty.

Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ của các cơ quan chức năng mà còn là trách nhiệm toàn xã hội. Theo đó, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn luôn ý thức góp phần bảo vệ môi trường, đóng góp xây dựng xã hội. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải, giữ gìn môi trường cho mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, trong năm 2015, Công ty còn thực hiện các hoạt động từ thiện, thiện nguyện nhằm hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn vì mục tiêu phát triển cộng đồng, vì Công ty đã và đang nhận thức được rằng đây là những hoạt động không thể thiếu trong quá trình hoạt động bền vững của một doanh nghiệp.

RỦI RO

Rủi ro Luật pháp

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi với mô hình Công ty cổ phần, do đó bên cạnh những lợi thế trong việc thu hút đầu tư, là nền tảng giúp gia tăng vị thế trên thị trường thì Công ty còn chịu sự chi phối bởi các bộ luật liên quan đối với loại hình công ty này. Công ty phải luôn tuân thủ và thực hiện như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, Luật bảo vệ môi trường, các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, v.v... Ngoài ra, các luật này đang trong quá trình hoàn thiện và triển khai. Theo đó, một thay đổi nhỏ trong chính sách sẽ gây ra những tác động to lớn mà nếu không có sự chuẩn bị trước thì Công ty khó có được giải pháp ứng xử phù hợp. Thực tế, Công ty luôn phải chủ động cập nhật các quy định pháp luật, hoàn thiện hệ thống quản lý, vận dụng phù hợp vào thực tế Công ty nhằm hạn chế những rủi ro, đảm bảo việc phát triển an toàn và bền vững cho Công ty trong tương lai.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Rủi ro về giá cả nguyên vật liệu là rủi ro sống còn của hầu hết các doanh nghiệp nói chung, và các doanh nghiệp chăn nuôi như PSL nói riêng, bởi giá thành thức ăn đã chiếm tới 65-70% trong chi phí. Bên cạnh đó, chất lượng đầu ra con giống cũng là một yếu tố quyết định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chuẩn bị kỹ lưỡng trong các khâu sản xuất, như đảm bảo nguồn thức ăn sạch, môi trường chăn nuôi chất lượng cao, xây dựng kế hoạch dự trữ nguyên liệu hợp lý và linh hoạt theo từng giai đoạn sản xuất. Với 40 năm kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực chăn nuôi, Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn tự tin vượt qua được những khó khăn thách thức này một cách hiệu quả, cũng như giảm thiểu tối đa những rủi ro từ biến động giá và chất lượng nguyên liệu, nhằm giữ vững sức cạnh tranh của các sản phẩm mang thương hiệu Phú Sơn.



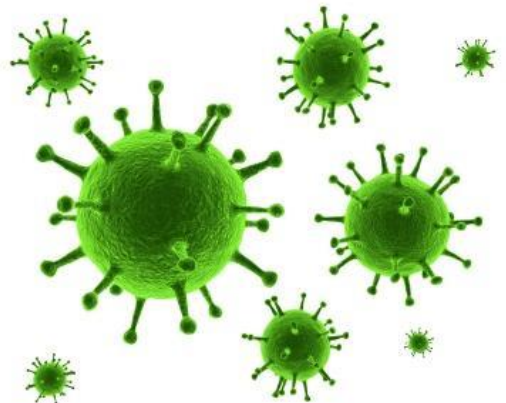


Rủi ro về cạnh tranh

Sức ép cạnh tranh trong lĩnh vực chăn nuôi tại Việt Nam khá lớn khi Việt Nam bắt đầu hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, bởi khi đó dự kiến thuế nhập khẩu nhiều sản phẩm thịt sẽ bằng 0%. Ngoài ra, sản phẩm thịt của các doanh nghiệp nước ngoài còn có những lợi thế nhất định về công nghệ và giá thành con giống khá rẻ sẽ là những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước. Nhằm giữ vững vị thế của mình trên thị trường, Công ty đã liên tục rà soát, nâng cấp hệ thống các trang trại theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, gắn kết các trang trại với nhau để cân bằng cung cầu, đầu tư nâng cao chất lượng con giống, bình ổn giá thức ăn, kiểm soát giá thành, qua đó tăng sức cạnh tranh cho Công ty.

Rủi ro về dịch bệnh, điều kiện thời tiết

Việc chậm áp dụng các cải tiến khoa học kỹ thuật, duy trì thói quen chăn nuôi lỗi thời, ý thức vệ sinh phòng chống bệnh kém, công tác kiểm soát dịch bệnh sơ sài cùng với điều kiện thời tiết biến đổi bất thường ở Việt Nam được xem là một trong những nguyên nhân gây nên dịch bệnh trong ngành chăn nuôi. Vì vậy, nhằm kiểm soát được loại rủi ro này, Công ty luôn phải chú trọng công tác vệ sinh thú y, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo quy định của Công ty, chủ động phát hiện và khống chế kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm, bảo đảm sản phẩm cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ và an toàn.



Rủi ro thị trường

Biến động giữa giá thức ăn chăn nuôi và giá sản phẩm đầu ra tác động trực tiếp tới nguồn thu của Công ty. Vì vậy đây là vấn đề mà Công ty luôn đặt mối quan tâm hàng đầu. Theo đó, việc xác định và dự đoán thời điểm thích hợp để bán sản phẩm không hề dễ dàng bởi xu hướng biến động không tuân theo bất cứ quy luật cụ thể nào. Giá heo xuất chuồng thường bị tác động bởi nhiều yếu tố, tuy nhiên việc giá heo giảm trong thời gian qua chủ yếu là do nguồn cung tăng nhanh.

Ngoài ra, việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu đã khiến cho giá thức ăn chăn nuôi luôn thay đổi theo sự biến động của giá nguyên liệu thế giới. Trong nước, sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp mới chỉ đáp ứng 50% vì ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Việt Nam chưa chủ động được nguồn nguyên liệu. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các rủi ro về nguyên vật liệu.



TÌNH
HÌNH
HOẠT
ĐỘNG
2015





Tình hình hoạt động sản xuất



Tổ chức và nhân sự



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án



Tình hình tài chính



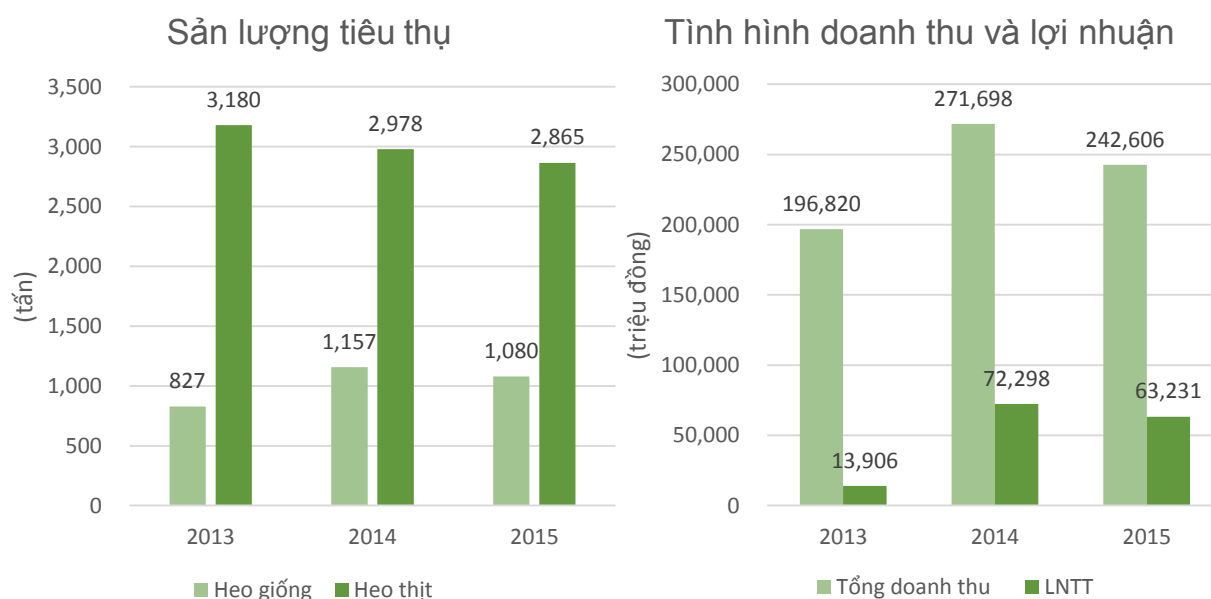
Cơ cấu vốn

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	So sánh	
						TH 2015 / KH 2015	TH 2015 / TH 2014
1	Sản lượng hàng hóa thực hiện						
-	Heo giống	Tấn	1.157	1.000	1.080	108%	93%
-	Heo thịt	Tấn	2.978	2.800	2.865	102%	96%
2	Doanh thu	Tr.đồng	271.698	205.000	242.606	118%	89%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	72.298	18.000	63.231	351%	87%
4	Tỷ lệ cổ tức	%	50	15	(*)50	333%	100%

(*) Dự kiến trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2016

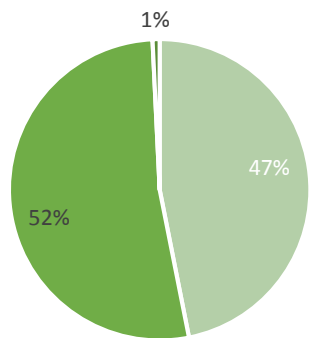
Năm 2015, trong tình hình thị trường thuận lợi khi giá nguyên vật liệu đầu vào giảm, giá bán các sản phẩm heo giống, heo thịt ở mức cao nên các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch. Cụ thể, sản lượng heo giống và heo thịt bán ra lần lượt vượt 8% và 2% so với kế hoạch, tương ứng sản lượng đang ở mức 1.080 tấn và 2.865 tấn. Doanh thu toàn Công ty đạt 242.606 triệu đồng, vượt 18% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 89% so với năm 2014. Đây là mức tăng trưởng khả quan trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt và còn nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế vượt 251% so với kế hoạch, duy trì ở mức 63 tỷ đồng, là một kết quả thật sự ấn tượng trong năm vừa qua.



Về cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm

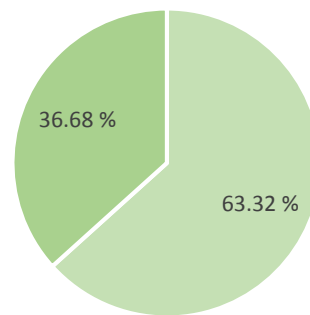
Trong cơ cấu doanh thu năm 2015, sản phẩm Heo thịt vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất là 52% với 122 tỷ đồng trong doanh thu, kế đến là sản phẩm Heo giống, chiếm tỷ trọng 47%. Tuy nhiên, về cơ cấu lợi nhuận gộp thì sản phẩm Heo thịt chỉ đóng góp khoảng 36,68% trong cơ cấu lợi nhuận gộp, trong khi sản phẩm Heo giống lại chiếm đến 63,32% tổng lợi nhuận gộp của toàn Công ty.

Cơ cấu doanh thu thuần



■ Heo giống ■ Heo thịt ■ Khác

Cơ cấu lợi nhuận gộp



■ Heo giống ■ Heo thịt

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban điều hành
Số lượng CBNV
Chính sách CBCNV

❖ Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hà Văn Sơn	Giám đốc	Kiểm Chủ tịch HĐQT
2	Đỗ Văn Trọng	Phó Giám đốc	
3	Lê Thị Anh	Q.Kế toán trưởng	

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Cận	Phó giám đốc	Miễn nhiệm từ 05/02/2016
2	Đỗ Văn Trọng	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm từ 04/01/2016
3	Đình Trung Liêm	Q. Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ 04/01/2016
4	Lê Thị Anh	Q. Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm từ 04/01/2016

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban điều hành:

Giám đốc: Ông Hà Văn Sơn**Năm sinh:** 1962**Tỷ lệ nắm giữ:** 1,88%**Trình độ chuyên môn:** Đại học Nông lâm TP.HCM ngành Kinh tế nông nghiệp**Quá trình công tác:**

- 1986 - 1996: Phó Phòng Kế toán, phụ trách kế hoạch XN chăn nuôi heo Phú Sơn
- 1997 - 2000: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh XN chăn nuôi heo Phú Sơn
- 2000 - 2003: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh kiêm Trưởng trại Phú Sơn Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn
- 2003 - 08/2008: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2008 - 2013: Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2013- nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 12/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Phó Giám đốc: Ông Đỗ Văn Trong**Năm sinh:** 1968**Tỷ lệ nắm giữ:** 0,11%**Trình độ chuyên môn:** Bác sĩ thú y**Quá trình công tác:**

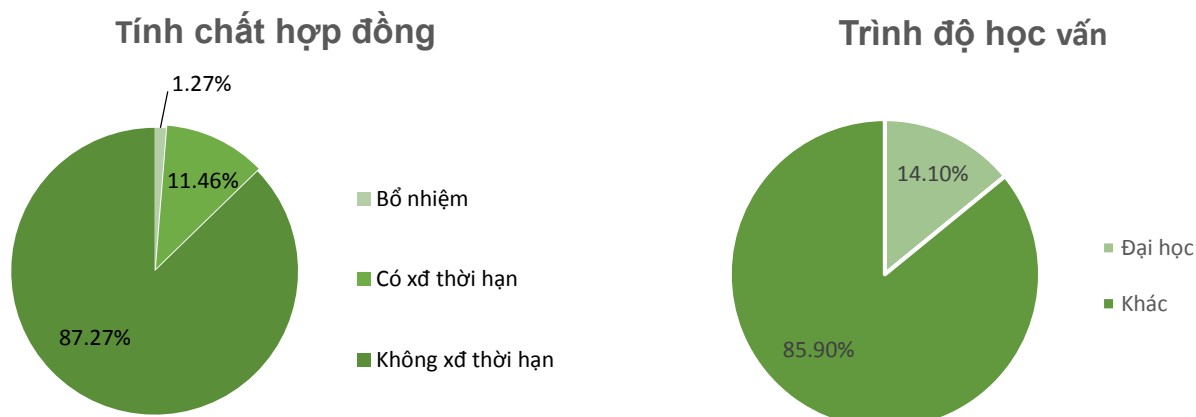
- 1992 - 1995: Trại chăn nuôi heo Long Thành
- 1995 đến nay: Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc**Q.Kế toán trưởng: Bà Lê Thị Anh****Năm sinh:** 1985**Tỷ lệ nắm giữ:** 0%**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế**Quá trình công tác:**

- 2008 đến nay: Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Chức vụ công tác hiện nay: Q.Kế toán trưởng

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên



STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	156	100,00%
1	Đại học	22	14,10%
2	Khác	134	85,90%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	156	100,00%
1	Bổ nhiệm	2	1,28%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	18	11,54%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	136	87,88%

❖ Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định cho người lao động, tạo động lực cho mọi thành viên trong tổ chức cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Cơ chế lương thưởng hợp lý cho nhân viên cũng được xây dựng và triển khai đầy đủ, qua đó nhằm khuyến khích và đãi ngộ tốt cho các đối tượng người lao động có trình độ, tâm huyết và gắn bó lâu năm. Ngoài thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, Công ty cũng luôn quan tâm nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng hướng đến việc tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty có thể phát huy hết khả năng và tận tâm phấn đấu cho mục tiêu phát triển chung của tập thể.

❖ **Chính sách lương, thưởng**

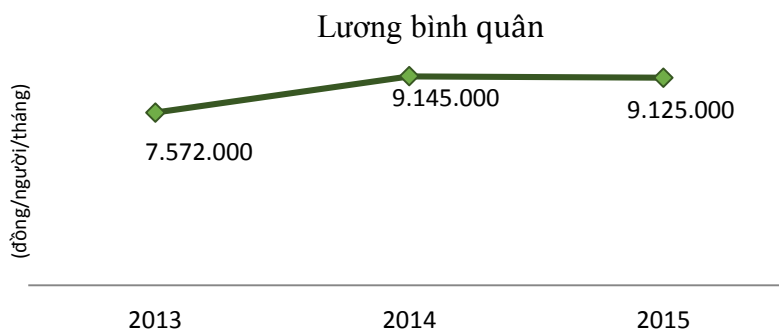
Mức lương của người lao động trực tiếp được hưởng tùy thuộc vào loại công việc, định mức lao động, chỉ tiêu kỹ thuật đảm nhận và kết quả công việc người lao động thực hiện. Ngoài ra còn phân theo cấp bậc công việc, trách nhiệm và nhiệm vụ.

Mức lương của người lao động gián tiếp được hưởng theo hệ số do Hội đồng tư vấn đề xuất và Giám đốc Công ty quyết định căn cứ trên các thành quả đóng góp và tính chất công việc của đối tượng lao động.

Công ty trả lương và đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà Nước về lương tối thiểu cho người lao động. Đồng thời, Công ty thực hiện những chế độ bảo đảm các chính sách xã hội, phúc lợi cho người lao động theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

Mức lương bình quân của 3 năm vừa qua:

Năm	Đơn vị	Lương bình quân
2013	Đồng/người/tháng	7.572.000
2014	Đồng/người/tháng	9.145.000
2015	Đồng/người/tháng	9.125.000



CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Công ty thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, các chế độ khác như hiếu hỉ, cưới hỏi, v.v...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp)

🚩 DỰ ÁN XÂY DỰNG TRẠI HEO MỚI TẠI KHU CÔNG NÔNG NGHIỆP AGROPARK

Quy mô 4.800 nái với tổng kinh phí đầu tư 105.636.643.000 đồng, giai đoạn I quy mô 1.200 nái, kinh phí theo dự toán đã thẩm định 32.846.339.212 đồng, đến nay dự án đã thực hiện các bước như sau:

- Ký hợp đồng thuê đất;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh phê duyệt;
- Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Thiết kế tổng dự toán;
- Thẩm định thiết kế tổng dự toán;
- Thẩm định phòng cháy chữa cháy;
- Xin giấy phép xây dựng;
- Phê duyệt kế hoạch nhà thầu.

Tiếp tục thực hiện :

- Đấu thầu;
- Lựa chọn nhà thầu.

🚩 CHUYỂN NHƯỢNG 8 Ha ĐẤT CỦA CÔNG TY TẠI ÁP CỌ DẦU, XÃ XUÂN ĐÔNG, HUYỆN CẨM MỸ

- Diện tích đất mua 81.025 m², giá trị 1.821 triệu đồng
- Giá bán theo thẩm định: 1.399 triệu đồng
- Đã bán: 70.177 m² giá 1.052.655.000 đồng (năm 2015)
 10.848 m² giá 346.440.000 đồng (năm 2016)

🚩 KHU ĐẤT TẠI XÃ XUÂN PHÚ, XUÂN THỌ

- Tổng diện tích mua của Khu du lịch sinh thái Vườn Xoài: 318.211 m²
- + Đã làm sổ đỏ : 265.346,6 m².
- + Tiếp tục làm sổ đỏ : 52.864,5 m².

Khu đất này Công ty sẽ dự kiến xây dựng trại nuôi heo cai sữa và heo thịt, chủ trương đã được Tổng Công ty chấp thuận.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ KHU LIÊN
HỢP CÔNG NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Tên Công ty viết tắt: **AGROPARK**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **DONG NAI AGRICULTURE AND
INDUSTRY COMPLEX MANAGEMENT AND INVESTMENT JOINT
STOCK COMPANY**

Mục tiêu đầu tư

- Khu liên hợp Công nông nghiệp Dofico-Agropark: Hình thành lực lượng sản xuất hiện đại, tạo sự lan tỏa cho tỉnh Đồng Nai và Vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn;
- Thực hiện hệ thống chuỗi liên kết, có hiệu quả từ nghiên cứu, đào tạo nhân lực, ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất giống cây trồng, vật nuôi;
- Cung cấp giống chất lượng cao cho hệ thống sản xuất tại phân khu có các trang trại trồng trọt, chăn nuôi tiên tiến;
- Cung cấp nguyên liệu sạch cho phân khu công nghiệp chế biến thực phẩm; sản phẩm được tập trung đóng gói tại phân khu trung tâm dịch vụ thương mại Logistics và sản phẩm cuối cùng bảo đảm sạch, an toàn, chất lượng cao, có nguồn gốc rõ ràng, sẽ đến người tiêu dùng qua các kênh phân phối có uy tín.

Vị trí, diện tích dự án



Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng

Chi nhánh Công ty đặt tại

- Xã Lộ 25 (Khu 1, 2);
- Xã Xuân Thành (phân khu 3A);
- Xã Xuân Tâm (phân khu 3B, 3C);
- Xã Xuân Bắc (phân khu 3D -Thọ Vực);

Khu liên hợp Công nông nghiệp Agropark được xây dựng trên địa bàn 4 xã thuộc huyện Thống Nhất và huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, dự án gồm 6 phân khu chức năng có diện tích 2.211,79 ha; cụ thể:

- Phân khu 1 - Khu dịch vụ thương mại Logistics; vị trí tại xã Lộ 25, huyện Thống Nhất; có diện tích khoảng 250 ha.
- Phân khu 2 - Khu dân cư phục vụ tái định cư; vị trí tại xã Lộ 25, huyện Thống Nhất, có diện tích khoảng 25 ha.
- Phân khu 3A - Khu chăn nuôi tập trung; vị trí tại xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, có diện tích khoảng 188,54 ha.
- Phân khu 3B - Khu trồng trọt, chăn nuôi tập trung; vị trí tại xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, có diện tích khoảng 538,8 ha.
- Phân khu 3C - Khu trồng trọt và chế biến thực phẩm, vị trí tại xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, có diện tích khoảng 687,45 ha.
- Phân khu 3D – Khu trồng trọt, chăn nuôi và chế biến thực phẩm Thọ Vực; có diện tích 522 ha.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



❖ **Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	% tăng/giảm so với 2014
Tổng tài sản	Triệu đồng	212.097	226.158	6,63%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	263.262	233.034	(11,48%)
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	73.238	63.512	(13,28%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(940)	(281)	(70,11%)
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	72.298	63.231	(12,54%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	56.317	53.188	(5,56%)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	10.700	10.638	(0,58%)
Tỷ lệ cổ tức	%	50	(*)50	(0,00%)

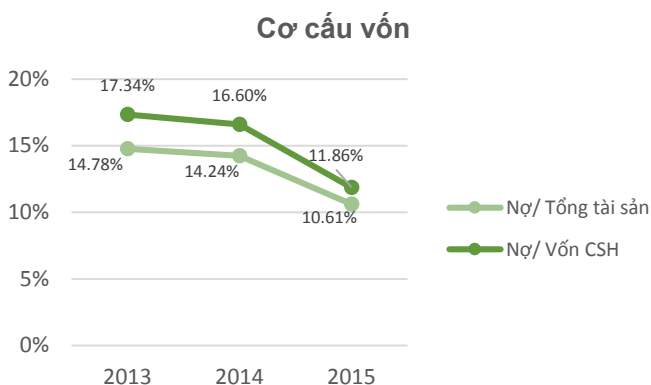
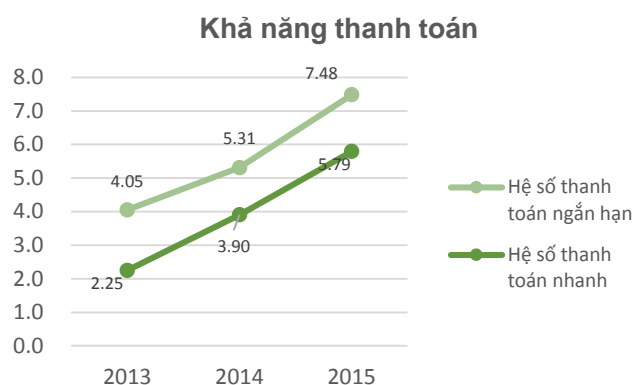
(*) Dự kiến trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2016

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,31	7,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,90	5,79
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14,24	10,61
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	16,60	11,86
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,81	4,53
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	Lần	1,41	1,06
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	21,39	22,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq (ROE)	%	35,33	27,70
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	%	30,22	24,27
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	27,82	27,25

Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều tăng so với năm 2014 và lần lượt duy trì ở mức 7,48 và 5,79. Cả 2 hệ số đang ở mức cao và liên tục tăng qua các năm cho khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo an toàn.

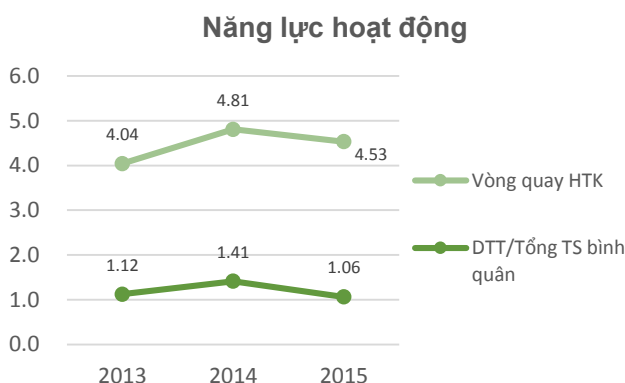


Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm so với thực hiện năm 2014 và đang duy trì ở mức 10,61% và 11,86%. Qua các năm hoạt động, Công ty ngày càng tự chủ về nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh, hạn chế vay để giảm thiểu rủi ro lãi suất.

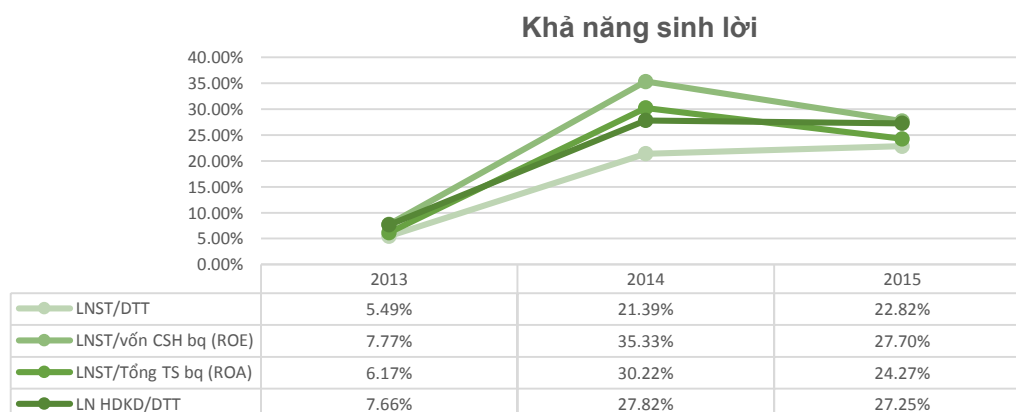
Năng lực hoạt động

Năm 2015, vòng quay hàng tồn và vòng quay tài sản giảm nhẹ so với năm 2014 và lần lượt duy trì ở mức 4,53 và 1,06 vòng. Mặc dù vậy, Công ty vẫn luôn cân đối hợp lý giữa sản lượng tiêu thụ, sản xuất và nâng cao khả năng hoạt động nên các hệ số này luôn được đảm bảo ở mức an toàn.



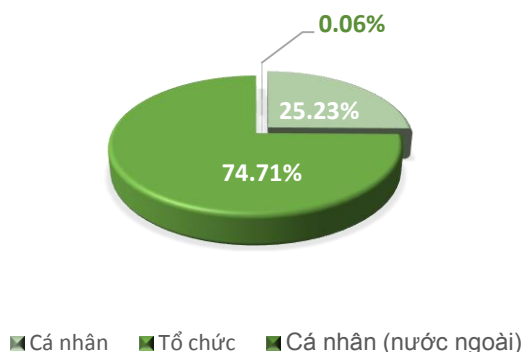
Khả năng sinh lời

Sau năm 2014 tăng trưởng mạnh, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2015 cho thấy sự ổn định trong hoạt động của Công ty khi các hệ số thay đổi nhiều so với năm 2014. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần tăng nhẹ khoảng 1,43%, giữ ở mức 22,82%. Ngoài ra, ROE, ROA lần lượt ở mức 27,7%; 24,27% thấp hơn tương ứng so với năm 2014 là 35,33% và 30,22%.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Tổng số cổ phần đang lưu hành:

4.500.000 cổ phần

Loại cổ phần:

Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:

4.500.000 CP

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:

0 CP

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
I	Cổ đông trong nước	4.497.200	99,94
1	Cá nhân	1.135.415	25,23
2	Tổ chức	3.361.785	74,71
II	Cổ đông nước ngoài	2.800	0,06
1	Cá nhân	2.800	0,06
2	Tổ chức	-	-
	Tổng cộng	4.500.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

2015

Báo cáo thường niên

BÁO CÁO

BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016



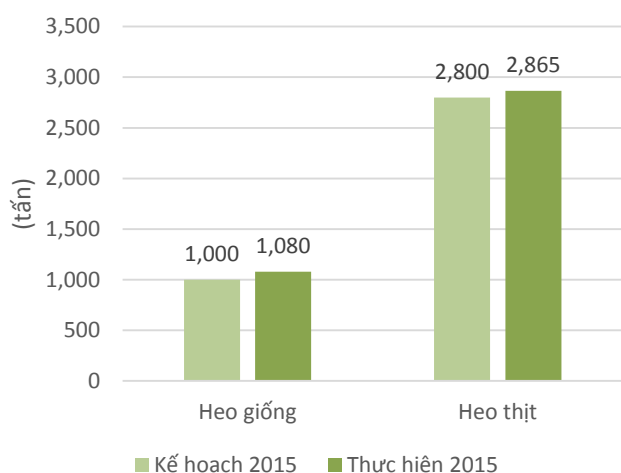
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2015 là năm có thời tiết khí hậu hết sức khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, mùa mưa đến trễ và kết thúc sớm làm cho nguồn nước thiếu hụt trầm trọng. Mặt khác, toàn bộ chuồng trại của Công ty đã xây dựng gần 40 năm, với hầu hết là chuồng hở nên nắng nóng ảnh hưởng rất lớn đến năng suất chăn nuôi. Song nhờ thực hiện tốt nhiều giải pháp đồng bộ nên năng suất chăn nuôi tuy có giảm so với năm 2014 song vẫn đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra.

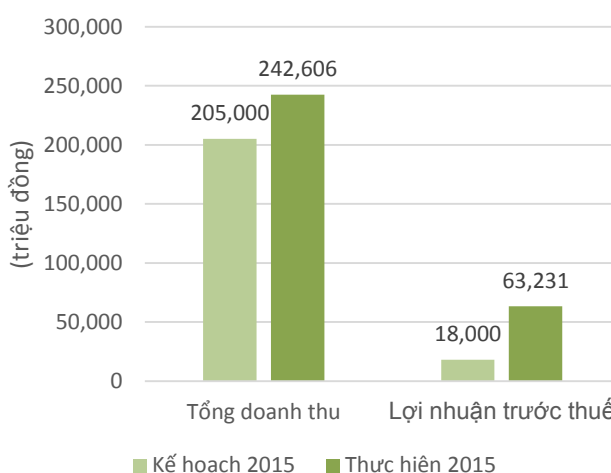
Cụ thể, kết thúc năm tài chính 2015, tổng doanh thu đạt 243 tỷ vượt 18% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 63.231 triệu đồng, gấp 3,5 lần so với kế hoạch. Tỷ lệ cổ tức dự kiến tiếp tục duy trì ở mức 50% (thực tế trong năm đã tạm ứng được 15%). Đây là mức chi trả cổ tức khá ấn tượng so với các doanh nghiệp khác trong bối cảnh nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% $\frac{TH2015}{KH 2015}$
1	Sản lượng hàng hóa thực hiện				
<i>a</i>	<i>Heo giống</i>	<i>Tấn</i>	<i>1.000</i>	<i>1.080</i>	<i>108,00%</i>
<i>b</i>	<i>Heo thịt</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.800</i>	<i>2.865</i>	<i>102,32%</i>
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	205.000	242.606	118,34%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	18.000	63.231	351,28%
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	4.506	11.228	249,18%
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	8,3	9,1	109,64%

Sản lượng hàng hóa



Kết quả kinh doanh



❖ Thuận lợi:

- Trong nhiều năm liên tục, Công ty đều chú trọng đến việc xây dựng thương hiệu nên sản phẩm của Công ty về cơ bản đã có được thương hiệu uy tín cũng như chỗ đứng trên thị trường chăn nuôi. Theo đó, sản phẩm Công ty hiện nay rất được bà con chăn nuôi và người tiêu dùng ưa chuộng nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty tương đối thuận lợi so với các đơn vị bạn.
- Hầu hết cơ sở vật chất kỹ thuật đều được đầu tư trong một thời gian nên giá trị tài sản còn lại khá thấp, do đó chi phí khấu hao TSCĐ tương đối thấp.
- Trong những năm qua, Công ty đều kinh doanh có hiệu quả nên nguồn vốn được tích lũy nhiều, song việc xây dựng cơ sở mới chưa thực hiện được nên đang có nguồn tiền nhàn rỗi tương đối, để không cần phải vay ngân hàng mà còn có tiền gửi góp phần tăng thu nhập.
- Công ty vẫn luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các ban ngành hữu quan địa

❖ Khó khăn:

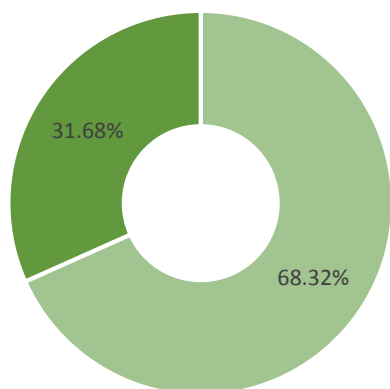
- Giá bán sản phẩm không ổn định lên xuống thất thường chủ yếu theo quy luật cung – cầu, đồng thời trong những năm gần đây giá bán sản phẩm phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc nên công tác xây dựng kế hoạch và định hướng sản xuất hết sức khó khăn.
- Tác động của biến đổi khí hậu ngày một khắc nghiệt, mùa mưa ngắn, mùa khô kéo dài, khí hậu ngày một nắng nóng, nguồn nước cung cấp cho đàn heo thiếu, ảnh hưởng rất lớn đến sức khoẻ đàn heo làm năng suất chăn nuôi khó tăng cao. Ngoài ra cũng làm gánh nặng chi phí điện, nước ngày một nhiều.
- Các cơ sở sản xuất của Công ty như Trại heo Phú Sơn, Trại heo Long Thành đã xây dựng trên dưới 40 năm, mặc dù hàng năm có xây dựng mới và đầu tư sửa chữa nâng cấp, tuy nhiên nhìn chung toàn bộ chuồng trại hầu hết là chuồng hở, chưa đảm bảo an toàn sinh học cho đàn heo. Mặt khác do chuồng trại đã xây dựng quá lâu nên nguồn bệnh tích ngày một nhiều, do đó vấn đề bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo hết sức vất vả. Tất cả những yếu tố trên làm cho năng suất chăn nuôi khó tăng cao và phải gánh nặng thêm các loại chi phí thuốc thú y để phòng ngừa và điều trị cho đàn heo.
- Kinh tế của đất nước ngày một hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, đồng thời các sản phẩm chăn nuôi cũng nhập vào Việt Nam ngày một tăng đã ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm chăn nuôi trong nước.
- Ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng ngày càng bị sự cạnh tranh gay gắt của các tập đoàn chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài và các công ty chăn nuôi, các trang trại, các hộ chăn nuôi trong nước. Mặt khác những năm gần đây một số tập đoàn kinh tế lớn trong nước cũng đã bắt tay vào đầu tư chăn nuôi heo, cho nên sự cạnh tranh lại càng thêm khốc liệt.

Tình hình tài chính

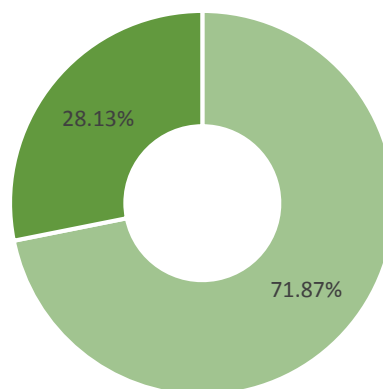
a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản toàn Công ty tính đến ngày 31/12/2015 đạt 226 tỷ đồng, tăng 6,6% so với năm 2014. Trong đó cơ cấu tài sản ngắn hạn tăng nhẹ từ 68% lên 72% trên tổng tài sản, nguyên nhân do tiền và các khoản tương đương tiền tăng cao, mà chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP. Nguồn vốn này Công ty dự định xây dựng cơ sở mới nhưng tạm thời chưa sử dụng nên đã tiến hành gửi ngân hàng góp phần tăng lợi nhuận.

Cơ cấu tài sản 2014



Cơ cấu tài sản 2015

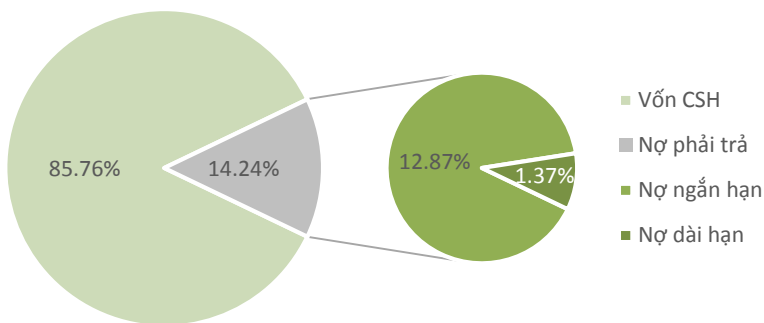


- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn

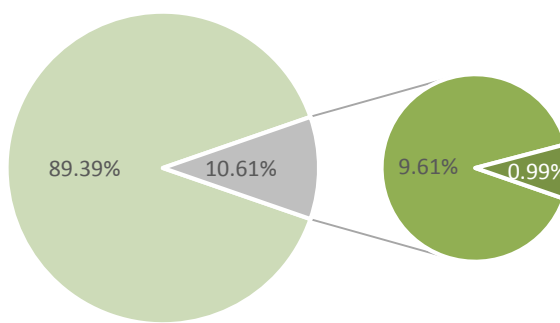
b. Tình hình nợ phải trả

Năm 2015, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu nguồn vốn an toàn, khi vốn chủ sở hữu tăng cao đạt 202 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ gần 90% trong tổng nguồn vốn. Đối với chỉ tiêu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu, duy trì ở mức 90% trong tổng nợ. Theo đó, hoạt động tài chính của Công ty đang khá an toàn khi không chịu nhiều áp lực từ chi phí lãi vay trong điều kiện thị trường có nhiều biến động như hiện nay.

Cơ cấu nguồn vốn 2014



Cơ cấu nguồn vốn 2015



- Vốn CSH
- Nợ phải trả
- Nợ ngắn hạn
- Nợ dài hạn

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

❖ Về triển khai và điều hành kế hoạch sản xuất:

Hiện tại, cơ sở mới chưa xây dựng được, các cơ sở chăn nuôi cũ đều chuẩn bị phải di dời, nguồn nước cung cấp cho đàn heo còn thiếu. Để thực hiện được kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Tổng Công ty giao, ngay từ đầu năm Ban Giám đốc đã dự đoán tốt tình hình thị trường – tăng cường bán heo giống, heo hậu bị, giảm nuôi heo thịt để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận cũng như đáp ứng đủ nước cho đàn heo.

❖ Các giải pháp kỹ thuật

Về con giống:

- Trên cơ sở đàn heo ông bà hiện có, Công ty đã lai tạo với đàn heo Đan Mạch nhập ngoại từ năm 2012 và 2013 để tạo ra đàn bố mẹ có năng suất chất lượng tốt được bà con chăn nuôi ưa chuộng, đồng thời trong năm Công ty có nhập tinh heo từ Mỹ, nhập ngoại 55 con heo giống từ Mỹ để nhân đàn và cải tạo chất lượng con giống.

Về thức ăn:

- Do tình hình thị trường giá nhập bắp, đậu nành trong năm 2015 giảm nên Công ty đã chủ động giảm tỷ lệ sử dụng bột cá thay bằng đậu nành, giảm tỷ lệ sử dụng cám gạo, cám mì bằng nguyên liệu bắp do đó giá thành thực phẩm cung cấp cho đàn heo đã giảm đáng kể song chất lượng vẫn đảm bảo yêu cầu.
- Thường xuyên thực hiện các đề tài thí nghiệm để xây dựng khẩu phần thức ăn có giá thành thấp song vẫn bảo đảm chất lượng. So sánh chất lượng cám heo con do Công ty sản xuất với cám của Công ty Proconco để đưa ra công thức thức ăn phù hợp cho đàn heo con với giá cả hợp lý.

Về thú y:

Thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn heo như:

- Thực hiện chương trình giám sát huyết thanh học đối với những bệnh quan trọng như: dịch tả, FMD, v.v... để đưa ra quy trình tiêm phòng phù hợp nhất. Kết hợp chặt chẽ với việc thường xuyên kiểm tra thực hiện tiêm phòng cho đàn heo nhằm bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo;
- Sử dụng vaccine PRRS (tai xanh) trên đàn nái sinh sản đã giảm được tỷ lệ sảy thai;
- Sử dụng hóa dược Roxason phòng bệnh ký sinh trùng đường máu trên đàn nái sinh sản.

❖ Về mặt quản lý:

- Thường xuyên khảo sát và nghiên cứu thị trường để đưa ra giá bán sản phẩm và giá mua nguyên liệu một cách có hiệu quả nhất để đảm bảo tiêu thụ được sản phẩm với giá bán cao và mua được nguyên liệu cung cấp cho đàn heo với giá thành thấp.
- Thực hiện các giải pháp chống nóng cho đàn heo như làm trần cho đàn heo nái đẻ, đàn heo cai sữa, trang bị hệ thống phun sương cho trại nái bầu, xây dựng thêm hồ để trữ nước cung cấp cho đàn heo, v.v...
- Thực hiện tốt công tác khoán sản phẩm và trả lương theo sản phẩm.
- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm rộng khắp trong toàn thể CBCNV lao động.

Nhờ thực hiện tốt các giải pháp trên, trong năm 2015 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Tổng Công ty giao.

❖ Về các mặt khác:

- Công tác an ninh trật tự trong đơn vị được thực hiện tương đối tốt;
- Công tác ATLĐ và PCCN được thực hiện nghiêm chỉnh;
- Công tác xã hội địa phương được Công ty luôn chú trọng, trong năm Công ty đã thực hiện công tác xã hội với tổng số tiền 67 triệu đồng.

Sản phẩm chất lượng cao



An toàn và thân thiện

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

❖ Kế hoạch năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
Sản lượng hàng hóa tiêu thụ		
+ Heo giống:	Tấn	1.240
+ Heo thịt các loại:	Tấn	2.500
Doanh thu bán hàng	Tr.đồng	216.000
Lợi nhuận	Tr.đồng	30.000
Nộp ngân sách	Tr.đồng	5.110
Tỷ suất lợi nhuận	%	17,44
Tiền lương BQ người LĐ/tháng	Tr.đồng	8,5

❖ Giải pháp thực hiện

Về điều hành và triển khai kế hoạch sản xuất

- Quy mô đàn: Giữ quy mô đàn heo như hiện nay và làm tốt công tác giống đàn heo hậu bị để chuyển heo về cơ sở mới trong năm 2016;
- Về tiêu thụ sản phẩm: Hiện tại các sản phẩm tiêu thụ heo giống, heo hậu bị và heo thịt đều có lãi, trong đó heo giống nuôi thịt và heo giống hậu bị có lãi cao, nhằm đảm bảo lợi nhuận đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, Công ty sẽ tăng cường bán nhiều heo giống nuôi thịt, heo hậu bị đực cái, chỉ giữ lại nuôi thịt và tăng đàn nái khi tiêu thụ sản phẩm không được hoặc bán thấp dưới giá thành. Riêng 6 tháng cuối năm tùy theo diễn biến của thị trường sẽ điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất một cách linh hoạt.



Giải pháp về kỹ thuật

- Công tác giống:
 - ▶ Nhân đàn heo giống nhập từ Hoa Kỳ, tăng quy mô đàn heo giống ông bà để tạo ra nhiều heo hậu bị nhằm chuẩn bị đàn heo hậu bị chuyển về cơ sở mới tại Xuân Lộc.
- Công tác thú y:
 - ▶ Thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn dịch bệnh cho đàn heo như thực hiện chương trình giám sát huyết học đối với những bệnh quan trọng như dịch tả, FMD, tai xanh, v.v... tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình phòng ngừa dịch bệnh.
 - ▶ Tiếp tục thí nghiệm khảo sát và sử dụng các loại vaccine cùng chủng loại song chi phí thấp để nâng cao hiệu quả sử dụng vaccine.
 - ▶ Thực hiện các giải pháp để nâng cao tỷ lệ nuôi sống trên đàn heo con theo mẹ và heo con sau cai sữa.
- Công tác thức ăn:
 - ▶ Thường xuyên khảo sát tình hình biến động giá nguyên liệu đầu vào để xây dựng khẩu phần thức ăn vừa tiết kiệm giá thành vừa phù hợp với nhu cầu đàn heo của Công ty.

Các giải pháp về quản lý

- Phát động phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng lãng phí trong toàn thể CBCNV lao động.
- Tăng cường công tác thăm dò nghiên cứu thị trường để tiêu thụ sản phẩm, đồng thời đề ra giá bán sản phẩm cũng như giá mua nguyên liệu một cách hợp lý, sát với thị trường.
- Thực hiện tốt công tác khoán sản phẩm và trả lương theo sản phẩm nhằm kích thích người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất, tăng năng suất chăn nuôi, chất lượng sản phẩm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Các giải pháp về đầu tư

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi tại khu công nghiệp Agropark với quy mô giai đoạn I: 1.200 nái để phục vụ cho việc di dời từng bước Trại heo Phú Sơn theo phương án di dời đã được UBND tỉnh gia hạn đến năm 2018.

Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : không có

2015

Báo cáo thường niên

BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch, định hướng



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2014	2015	Tăng/giảm	% Tăng/giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	263.262	233.034	(30.228)	(11,48%)
Giá vốn hàng bán	189.363	170.169	(19.194)	(10,14%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	73.899	62.865	(11.034)	(14,93%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73.238	63.512	(9.726)	(13,28%)
Lợi nhuận khác	(940)	(281)	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.298	63.231	(9.067)	(12,54%)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.317	53.188	(3.129)	(5,56%)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	10.700	10.638	(62)	(0,58%)

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Trong năm qua, Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty cũng như công tác điều hành của Ban giám đốc Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn, cụ thể:

- HĐQT giám sát các hoạt động của Ban Giám Đốc Công ty nhằm đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.
- Ban hành kịp thời các quyết định, nghị quyết, văn bản phê duyệt các quy định, quy chế để chỉ đạo Ban Giám Đốc thực hiện nhiệm vụ SXKD.
- Kiểm tra việc duy trì áp dụng điều lệ, quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với pháp luật.
- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám Đốc và các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi HĐQT, đồng thời qua các buổi họp HĐQT, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

Năm 2015, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra và linh hoạt theo biến động chung của thị trường. Dựa vào kết quả kinh doanh ấn tượng năm qua, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch trong những năm tới phải xây dựng xong cơ sở mới tại Xuân Lộc quy mô 4.800 nái sinh sản, 12.000 heo con cai sữa, 10.000 con heo hậu bị và heo thịt theo hướng hiện đại nhằm nâng cao năng suất chăn nuôi để di dời các trại heo ra khỏi khu dân cư, tận dụng cơ sở cũ để chuyển đổi mục đích sử dụng phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

Ngoài ra, phải tập trung nâng cao các công tác điều hành về các mặt hoạt động như:

- Về tài chính:

Trên cơ sở nguồn vốn tự có (vốn chủ sở hữu) của Công ty đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu cho đầu tư. Công ty có quan hệ tốt với các ngân hàng nên vay tiếp 30% nguồn vốn để đầu tư cho các dự án là hết sức khả thi. Đồng thời Công ty sẽ liên doanh với các đơn vị có ngành nghề kinh doanh bất động sản để chuyển đổi mục đích các khu đất của các trại chăn nuôi thành khu dân cư, lợi nhuận thu được sẽ được dùng để trả vay ngân hàng.

- Về sản xuất:

Thực hiện các giải pháp đồng bộ về con giống, thức ăn, thú y nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn heo, nâng cao năng suất chăn nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Về marketing:

Thường xuyên thăm dò nghiên cứu thị trường để ra giá bán sản phẩm một cách hợp lý nhằm tiêu thụ hết sản phẩm.

Tăng cường tiếp thị thêm khách hàng để tiêu thụ hết sản phẩm.

Thường xuyên thăm dò, tìm kiếm khách hàng để thu mua nguyên liệu với chất lượng tốt, giá thành hạ nhằm đáp ứng cho yêu cầu sản xuất.

- Về công nghệ:

Các cơ sở mới được xây dựng Công ty sẽ áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến nhất nhằm bảo đảm nâng cao năng suất chăn nuôi, năng suất lao động và đảm bảo yêu cầu an toàn dịch bệnh cho đàn heo.

- Về nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực hiện tại đáp ứng cơ bản cho sản xuất kinh doanh của đơn vị, cũng có thể đáp ứng nguồn nhân lực cho tương lai khi di dời các cơ sở sản xuất. Dự kiến sẽ có một số lao động nghỉ việc do phải đi làm xa gia đình, Công ty sẽ tuyển dụng thêm lao động tại địa phương để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng cho sản xuất kết hợp với tuyển dụng thêm sinh viên ở các trường trung cấp, đại học mới ra trường.

- Về con giống:

Hàng năm Công ty sẽ tiến hành nhập ngoại heo giống của những nước có nền chăn nuôi tiên tiến nhất, tiến hành lai tạo với đàn giống hiện có của Công ty để tạo ra đàn heo có chất lượng tốt phù hợp với điều kiện chăn nuôi tại đơn vị.





QUẢN TRỊ CÔNG TY



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch: Hà Văn Sơn
Thành viên: Lê Phước Hùng
Trần Văn Cẩn
Nguyễn Văn Khâm

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban: Đinh Văn Hồng
Thành viên: Trương Nguyễn Ngọc Hòa
Nguyễn Minh Quang

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên

➤ **Chủ tịch HĐQT: Ông Hà Văn Sơn**

Xem lại sơ yếu lý lịch ở mục giới thiệu thành viên Ban giám đốc

➤ **Thành viên HĐQT: Ông Lê Phước Hùng**

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu: 0%

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1991 - 2005: Kế toán tại Công ty CBKD lương thực thực phẩm Đồng Nai
- 2006 - 2008: Kế toán – Phòng KTTC tại Tổng công ty
- 2008 - nay: Phó Phòng KTTC tại Tổng công ty
- 2010 - 2013: Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và QL KL Công nông nghiệp Đồng Nai
- 2013 - nay: hành viên ĐQ – Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và QL KL Công nông nghiệp Đồng Nai

➤ **Thành viên HĐQT: Ông Trần Văn Cẩn**

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Hải Dương

Tỷ lệ sở hữu: 0,33%

Trình độ: Kỹ sư chăn nuôi

Quá trình công tác:

- 1984 - 1997: Kỹ thuật Xí nghiệp chăn nuôi heo Đông Phương
- 12/1997 - 1999: Kỹ thuật Xí nghiệp chăn nuôi heo Phú Sơn
- 12/1999 - 09/2009: Trưởng trại Đông Phương, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2009 – 01/2016: Phó giám đốc Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2009 – nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

➤ **Thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Văn Khâm**

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Xã Phong Phú- Huyện Hương Khê- Hà Tĩnh

Tỷ lệ sở hữu: 2,62%

Trình độ: Kỹ sư

Quá trình công tác:

- 1985 - 1992: Đội trưởng Trung tâm nghiên cứu cây bông Nha Hồ
- 1993 - 1994: Trưởng phòng Hành chính Cục Thống kê Ninh Thuận
- 1994 - 1996: Cục Thống kê Đồng Nai
- 1996 - 08/2008: Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn
- 09/2008 - nay: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Cổ phần

Thành viên HĐQT không điều hành:

- Lê Phước Hùng
- Nguyễn Văn Khâm

Thay đổi nhân sự:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Tử Mục	Chủ tịch, thành viên HĐQT		15/12/2015
Hà Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	15/12/2015	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiểu ban

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Tử Mục	Chủ tịch (tiền nhiệm)	5/5	100%	Từ nhiệm 15/12/2015
2	Hà Văn Sơn	Chủ tịch (đương nhiệm)	5/5	100%	Bổ nhiệm 15/12/2016
3	Trần Văn Cẩn	Thành viên	5/5	100%	
4	Nguyễn Văn Khâm	Thành viên	5/5	100%	
5	Lê Phước Hùng	Thành viên	5/5	100%	

❖ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.**

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

❖ **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** không có

❖ **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**
Ông Nguyễn Tử Mục và Ông Hà Văn Sơn.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2015

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	21/NQ-HĐQT	18/3/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014; - Dự kiến phân phối bổ sung lợi nhuận năm 2013; phân phối lợi nhuận năm 2014; - Kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2015; Phương hướng sản xuất kinh doanh quý II/2015; - Triển khai tiếp tục các dự án; - Chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
2	22 /NQ-ĐH	24/4/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2014; - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014; - Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2014; - Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN và chi trả cổ tức năm 2014; - Kế hoạch SXKD năm 2015; - Các dự án đầu tư triển khai năm 2015 và chuyển nhượng quyền sử dụng đất; - Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và chi trả cổ tức năm 2015; - Mức thù lao hàng tháng cho HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký Công ty trong năm 2015; - Chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2015; - Chủ tịch HĐQT được kiêm nhiệm Giám đốc Công ty.
3	23 /NQ-HĐQT	16/5/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng và ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2015; - Triển khai các dự án: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng Trại chăn nuôi heo mới tại Khu công nông nghiệp Agropark; + Tiếp tục thủ tục chuyển nhượng đất tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; - Các vấn đề khác: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng thang, bảng lương mới theo Nghị định 49/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ cho toàn thể CBCNVC – lao động của Công ty.

<p>4</p>	<p>24 /NQ- HĐQT</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh 7 tháng đầu năm 2015 - Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2015 - Kế hoạch SXKD 2016 - Dự án xây dựng trại tại Khu Công Nông nghiệp Agropark - Chuyển nhượng quyền sử dụng 8 ha đất tại huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai - Bán xe thanh lý - Đầu tư Trại chăn nuôi heo cai sữa, heo thịt tại xã Xuân Thọ - Nhập heo giống từ Hoa Kỳ - Mua 1 xe tải trọng tải 13 tấn Hyundai - Sửa chữa chuồng nuôi lại cá sấu - Trang bị toàn bộ hệ thống làm mát cho các trại nái đẻ, nái bầu - Cổ tức 2015: theo mức 20%/vốn điều lệ (hai mươi phần trăm) <p>Chọn Chi Nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty</p>
<p>5</p>	<p>25 /NQ- HĐQT</p>	<p>15/12/2015</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng năm 2015 - Ước thực hiện năm 2015 - Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty: Ông Hà Văn Sơn giữ chức Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 15/12/2015

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên

➤ **Trưởng BKS: Ông ĐINH VĂN HỒNG**

Năm sinh: 1961

Nơi sinh: Bà Rịa

Tỷ lệ sở hữu: 0%

Trình độ: Đại học Tài chính kế toán TP.HCM

Quá trình công tác:

- 1984 - 1988: Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ Sở Thương nghiệp Đồng Nai
- 1989 - 12/1989: Kế toán trưởng Xí nghiệp Dịch vụ thương nghiệp Đồng Nai
- 1990 - 06/2006: Kế toán trưởng Công ty Thương mại Đồng Nai
- 07/2006 - 11/2006: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP XNK Biên Hòa
- 12/2006 - 06/2007: Chuyên viên Phòng Kế toán tài vụ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- 07/2007 - 08/2010: Kiểm soát viên Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- 07/2011 - 04/2012: Phụ trách Kiểm soát viên Tổng Cty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

➤ **Thành viên BKS: Ông NGUYỄN MINH QUANG**

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Huế

Tỷ lệ sở hữu: 0,21%

Trình độ: Kỹ sư chăn nuôi

Quá trình công tác: 1987 - nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát

➤ **Thành viên BKS: Bà TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC HÒA**

Năm sinh: 1987

Nơi sinh: Đồng Nai

Tỷ lệ sở hữu: 0%

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác: Từ 2009 - nay: Công tác tại Tổng Cty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn. Tiến hành công tác giám sát kiểm toán nội bộ, kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý, năm 2015 một cách thận trọng, chính xác, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, không hưởng lương chỉ hưởng thù lao.

ĐHĐCĐ thường niên 2015 đã biểu quyết mức thù lao sau đại hội như sau: Chủ tịch HĐQT: 4 triệu VNĐ/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT: 3 triệu VNĐ/tháng, thành viên HĐQT: 2,4 triệu VNĐ/tháng, Trưởng Ban Kiểm soát: 2,4 triệu VNĐ/tháng; thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký: 2 triệu VNĐ/tháng.

Tổng cộng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2015 là: 170,4 triệu đồng, Ban Kiểm soát là 76,8 triệu đồng, Thư ký là 24 triệu đồng. Tổng cộng: 271,2 triệu đồng.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31/12/2015
(Đã được kiểm toán)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI PHÚ SƠN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-32
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32

VIỆN
C
H
QUẢN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập từ phương án cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3600271092 (số ĐKKD cũ: 4703000267) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 19/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 09 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/12/2015
Ông Nguyễn Từ Mục	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/12/2015
Ông Trần Văn Cẩn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Khâm	Ủy viên	
Ông Lê Phước Hùng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Sơn	Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Trọng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/01/2016
Ông Trần Văn Cẩn	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đinh Văn Hồng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Quang	Thành viên
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Hà Văn Sơn

10
NH
GT
KIẾ
AA
TP.

Số: 22/2016/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-13-002-1

Kiểm toán viên



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		162.541.643.136	144.903.550.222
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	69.555.113.283	57.415.363.476
111	1. Tiền		1.522.974.394	1.834.474.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		68.032.138.889	55.580.888.889
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	55.500.000.000	48.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		55.500.000.000	48.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		475.266.843	1.123.543.648
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	157.276.435	157.276.435
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		70.015.000	618.015.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	405.251.843	505.528.648
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(157.276.435)	(157.276.435)
140	IV. Hàng tồn kho	8	36.727.673.792	38.364.643.098
141	1. Hàng tồn kho		36.727.673.792	38.364.643.098
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		283.589.218	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	283.589.218	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.616.018.386	67.193.812.853
220	II. Tài sản cố định		29.091.693.480	32.911.213.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	19.371.301.724	21.208.238.723
222	- Nguyên giá		71.042.647.669	69.008.115.107
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.671.345.945)	(47.799.876.384)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.720.391.756	11.702.975.016
228	- Nguyên giá		10.725.800.713	12.546.848.213
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.005.408.957)	(843.873.197)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	963.820.000	841.820.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		963.820.000	841.820.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	11.250.000.000	11.250.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.250.000.000	11.250.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.310.504.906	22.190.779.114
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	22.310.504.906	22.190.779.114
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226.157.661.522	212.097.363.075

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.985.465.994	30.197.325.847
310	I. Nợ ngắn hạn		21.735.465.994	27.299.325.847
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5.849.554.492	7.530.927.589
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.299.000	358.707.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.063.303.621	3.525.702.384
314	4. Phải trả người lao động		3.857.614.895	5.402.218.847
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	9.253.430.699	9.809.770.027
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	672.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		707.263.287	-
330	II. Nợ dài hạn		2.250.000.000	2.898.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	648.000.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.250.000.000	2.250.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		202.172.195.528	181.900.037.228
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	202.172.195.528	181.900.037.228
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.000.000.000	45.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.000.000.000	45.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		4.500.000.000	3.073.032.731
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		106.234.104.677	80.365.250.717
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.438.090.851	53.461.753.780
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	1.644.977.567
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		46.438.090.851	51.816.776.213
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.157.661.522	212.097.363.075

Đồng Nai ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Giám đốc



Hà Văn Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	233.034.406.300	263.261.583.650
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		233.034.406.300	263.261.583.650
11	4. Giá vốn hàng bán	18	170.169.015.449	189.362.658.697
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.865.390.851	73.898.924.953
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	7.278.577.691	7.949.310.212
22	7. Chi phí tài chính	20	39.829.000	108.002.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		39.829.000	108.002.000
24	8. Chi phí bán hàng	21	89.674.000	77.582.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.502.395.811	8.424.440.967
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.512.069.731	73.238.210.198
31	11. Thu nhập khác	23	941.655.932	303.745.131
32	12. Chi phí khác	24	1.223.139.422	1.243.758.543
40	13. Lợi nhuận khác		(281.483.490)	(940.013.412)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.230.586.241	72.298.196.786
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	10.042.495.390	15.981.420.573
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>53.188.090.851</u>	<u>56.316.776.213</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	10.638	10.700

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016



Hà Văn Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		63.230.586.241	72.298.196.786
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.457.620.421	5.609.851.041
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.353.823.269)	(6.718.355.131)
06	- Chi phí lãi vay		39.829.000	108.002.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.374.212.393	71.297.694.696
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		364.687.587	800.776.593
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.636.969.306	2.053.393.074
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.647.244.056)	4.094.864.757
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(119.725.792)	(2.340.063.265)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(39.829.000)	(108.002.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.444.374.474)	(11.735.127.921)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.500.000	217.820.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.823.469.264)	(1.746.396.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.356.726.700	62.534.959.934
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.120.097.948)	(707.575.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.351.008.364	183.773.500
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(55.500.000.000)	(48.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		48.000.000.000	33.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.122.112.691	7.628.333.674
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.146.976.893)	(7.895.467.826)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(1.320.000.000)	(672.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.750.000.000)	(11.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.070.000.000)	(11.922.000.000)

011
CH
CÓN
ÁNG
V4-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.139.749.807	42.717.492.108
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		57.415.363.476	14.697.871.368
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>69.555.113.283</u>	<u>57.415.363.476</u>

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016



Hà Văn Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn được thành lập từ phương án cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Chăn nuôi Phú Sơn thành công ty cổ phần theo Quyết định số 868/QĐ-CT-UBT ngày 23 tháng 02 năm 2005 của chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 101, ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 45.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 45.000.000.000 đồng; tương đương 4.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi khác: rắn, ba ba, cá sấu;
- Sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn gia súc chăn nuôi;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Trại chăn nuôi heo Phú Sơn	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Phước Tân	Chăn nuôi heo
Trại chăn nuôi heo Long Thành	Chăn nuôi heo

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	15 - 45 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 5, điều 11, thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chăn nuôi ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	290.843.540	208.428.086
Tiền gửi ngân hàng	1.232.130.854	1.626.046.501
Các khoản tương đương tiền (*)	68.032.138.889	55.580.888.889
	<u>69.555.113.283</u>	<u>57.415.363.476</u>

(*) Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2015 như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa, số tiền 28.032.138.889 đồng, lãi suất từ 4,6%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 6.000.000.000 đồng, lãi suất từ 4,6%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 9.000.000.000 đồng, lãi suất từ 4,75%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 11.500.000.000 đồng, lãi suất 4,6% đến 5,2%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 13.500.000.000 đồng, lãi suất 4,6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	55.500.000.000	55.500.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
	<u>55.500.000.000</u>	<u>55.500.000.000</u>	<u>48.000.000.000</u>	<u>48.000.000.000</u>

(*) Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2015 như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 22.000.000.000 đồng, lãi suất từ 5%/năm đến 5,4%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 18.500.000.000 đồng, lãi suất từ 5,4%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 13.000.000.000 đồng, lãi suất 5,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết						-
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	11.250.000.000	11.250.000.000	-	11.250.000.000	11.250.000.000	-
	11.250.000.000	11.250.000.000	-	11.250.000.000	11.250.000.000	-

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	Tỉnh Đồng Nai	28,57%	28,57%	Đầu tư xây dựng, dịch vụ

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Ông Phan Trung Kiên	157.276.435	157.276.435
	<u>157.276.435</u>	<u>157.276.435</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	157.276.435	157.276.435
	<u>157.276.435</u>	<u>157.276.435</u>

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về thuế TNCN của CBCNV	14.722.777	17.826.225
Phải thu tiền BHXH, BHYT của CBCNV	235.329.066	173.955.759
Phải thu Bà Diệp Thị Thanh Quý - làm thất thoát quỹ	150.200.000	205.700.000
Tạm ứng	5.000.000	4.000.000
Phải thu khác	-	104.046.664
	<u>405.251.843</u>	<u>505.528.648</u>

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	157.276.435	-	157.276.435	-
Ông Phan Trung Kiên	157.276.435	-	157.276.435	-
	<u>157.276.435</u>	<u>-</u>	<u>157.276.435</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.835.500.997	-	16.904.172.417	-
Công cụ, dụng cụ	2.400.000	-	19.125.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.645.772.795	-	21.441.345.181	-
Hàng hóa bất động sản	244.000.000	-	-	-
	<u>36.727.673.792</u>	<u>-</u>	<u>38.364.643.098</u>	<u>-</u>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	52.750.809.754	11.589.311.787	2.453.395.200	271.000.000	1.943.598.366	69.008.115.107
- Mua trong năm	-	52.000.000	1.698.300.000	-	2.247.797.948	3.998.097.948
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(733.838.000)	(47.000.000)	(1.182.727.386)	(1.963.565.386)
Số dư cuối năm	52.750.809.754	11.641.311.787	3.417.857.200	224.000.000	3.008.668.928	71.042.647.669
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.129.648.768	8.355.531.217	2.019.483.811	271.000.000	1.024.212.588	47.799.876.384
- Khấu hao trong năm	3.682.503.933	1.121.272.148	302.090.833	-	190.217.747	5.296.084.661
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(733.838.000)	(47.000.000)	(643.777.100)	(1.424.615.100)
Số dư cuối năm	39.812.152.701	9.476.803.365	1.587.736.644	224.000.000	570.653.235	51.671.345.945
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.621.160.986	3.233.780.570	433.911.389	-	919.385.778	21.208.238.723
Tại ngày cuối năm	12.938.657.053	2.164.508.422	1.830.120.556	-	2.438.015.693	19.371.301.724

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.562.066.899 đồng

Trong giá trị tài sản cố định hữu hình nêu trên bao gồm Trại chăn nuôi heo Phú Sơn có nguyên giá là 37.171.801.357 VND, khấu hao lũy kế đến 31/12/2015 là 29.697.671.127 VND, giá trị còn lại là 7.474.130.230 VND. Đây là tài sản thuộc diện phải di dời theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, theo Công văn 3694/UBND-KT ngày 16/05/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Công ty được gia hạn thời gian hoàn thành phương án di dời Trại chăn nuôi heo Phú Sơn đến hết năm 2018.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.463.505.195	83.343.018	12.546.848.213
- <i>Nhượng bán</i>	(1.577.047.500)	-	(1.577.047.500)
- <i>Chuyển sang hàng hóa bất động sản</i>	(244.000.000)	-	(244.000.000)
Số dư cuối năm	10.642.457.695	83.343.018	10.725.800.713
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	760.530.179	83.343.018	843.873.197
- <i>Khấu hao trong năm</i>	161.535.760	-	161.535.760
Số dư cuối năm	922.065.939	83.343.018	1.005.409.957
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.702.975.016	-	11.702.975.016
Tại ngày cuối năm	9.720.391.756	-	9.720.391.756

(*) Trong giá trị Quyền sử dụng đất tại 31/12/2015, giá trị quyền sử dụng đất tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc với tổng nguyên giá là 5.703.462.695 đồng. Đây là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài mua để triển khai dự án phát triển Công ty trong tương lai. Đến thời điểm 31/12/2015 các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất sang tên Công ty vẫn đang được hoàn tất.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.343.018 đồng.

11 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng trại chăn nuôi heo Xuân Lộc	963.820.000	841.820.000
	963.820.000	841.820.000

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Giá trị đàn heo nái, heo đực cơ bản	16.716.956.725	17.993.772.537
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	54.945.833	351.075.819
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	452.944.120	1.241.160.723
Chi phí thuê đất khu liên hợp công nông nghiệp Dofico (*)	5.085.658.228	2.604.770.035
	22.310.504.906	22.190.779.114

(*) Theo hợp đồng thuê mặt bằng số 08/2014/HĐ-QGRO ngày 12/06/2014 giữa Công ty CP Chăn nuôi Phú Sơn và Công ty CP Đầu tư và Quản lý Khu liên hiệp công nông nghiệp Đồng Nai, tổng giá trị hợp đồng thuê là 7.881.328.400 đồng (bao gồm VAT), thời hạn thuê 49 năm, thanh toán thành 3 đợt (đợt 1 thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng số tiền 2.627.109.400 đồng, đợt 2 thanh toán trong quý I/2015 số tiền 2.627.109.500 đồng, đợt 3 thanh toán trong quý I/2016 số tiền 2.627.109.500 đồng). Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã thanh toán xong tiền thuê đất đợt 2.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Tân Tân Mai	-	-	730.967.423	730.967.423
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Đô	1.300.205.320	1.300.205.320	1.458.684.580	1.458.684.580
- Công ty CP Việt - Pháp sản xuất Thức ăn gia súc (Proconco)	1.047.418.235	1.047.418.235	964.771.534	964.771.534
- Công ty Nông nghiệp Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	-	790.735.960	790.735.960
- Phải trả các đối tượng khác	3.501.930.937	3.501.930.937	3.585.768.092	3.585.768.092
	5.849.554.492	5.849.554.492	7.530.927.589	7.530.927.589
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	5.849.554.492	5.849.554.492	7.530.927.589	7.530.927.589
	5.849.554.492	5.849.554.492	7.530.927.589	7.530.927.589
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)				
	-	-	790.735.960	790.735.960

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.405.585	53.847.997	51.768.128	-	5.485.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.444.374.474	10.042.495.390	11.444.374.474	-	2.042.495.390
Thuế thu nhập cá nhân	-	77.922.325	950.770.071	1.013.369.619	-	15.322.777
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	174.976.211	458.565.429	283.589.218	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	3.525.702.384	11.228.089.669	12.974.077.650	283.589.218	2.063.303.621

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.300.500	1.300.500
Tiền bồi thường, hỗ trợ di dời Trại heo Đông Phương (*)	8.816.320.400	8.816.320.400
Phải trả Công ty TNHH Hoài Nam Hoài Bắc - tạm tăng tài sản	432.608.767	982.608.767
Phải trả, phải nộp khác	3.201.032	9.540.360
	<u><u>9.253.430.699</u></u>	<u><u>9.809.770.027</u></u>

(*) Số tiền bồi thường, hỗ trợ di dời theo Quyết định số 6496/QĐ-UBND ngày 14/11/2012 của UBND Thành phố Biên Hòa về việc bồi thường, hỗ trợ cho trại heo Đông Phương của Công ty tại khu phố 10 phường Hồ Nai, do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải số 01 tại phường Hồ Nai, Thành phố Biên Hòa. Số tiền này, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn sử dụng thực hiện đầu tư dự án xây dựng trại heo mới tại vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark) tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

05
NH
TY
KIẾ
AS
PH

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	2.634.605.294	80.056.568.982	9.184.502.153	136.875.676.429
Lãi trong năm trước	-	-	-	56.316.776.213	56.316.776.213
Trích Quỹ ĐTPT và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	438.427.437	308.681.735	(747.109.172)	-
Trích bổ sung quỹ KTPL và quỹ khen thưởng BDH	-	-	-	(42.415.414)	(42.415.414)
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	3.073.032.731	80.365.250.717	53.461.753.780	181.900.037.228
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	3.073.032.731	80.365.250.717	53.461.753.780	181.900.037.228
Lãi trong năm nay	-	-	-	53.188.090.851	53.188.090.851
Bổ sung Quỹ ĐTPT từ lợi nhuận 2013 ⁽¹⁾	-	-	1.644.977.567	(1.644.977.567)	-
Trích Quỹ ĐTPT và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ⁽²⁾	-	1.426.967.269	24.223.876.393	(25.650.843.662)	-
Trích bổ sung quỹ KTPL và quỹ khen thưởng Ban điều hành ⁽²⁾	-	-	-	(8.165.932.551)	(8.165.932.551)
Chi trả cổ tức năm 2014 ⁽²⁾	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2015 ⁽³⁾	-	-	-	(6.750.000.000)	(6.750.000.000)
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	4.500.000.000	106.234.104.677	46.438.090.851	202.172.195.528

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 22/NQ-ĐH ngày 24 tháng 04 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung lợi nhuận sau thuế năm 2013 phát sinh tăng theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước vào Quỹ đầu tư phát triển.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 22/NQ-ĐH ngày 24 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	56.316.776.213
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	24.223.876.393
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.426.967.269
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.321.180.908
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	844.751.643
Chi trả cổ tức (bằng 50% vốn điều lệ) (*)	22.500.000.000

(*) Năm 2014, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2014 cho các cổ đông, số tiền 4.500.000.000 đồng (tỷ lệ 10%/vốn điều lệ).

(3) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết số 24/NQ-HDQT ngày 01/10/2015 của Hội đồng quản trị.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	73,56	33.100.880.000	73,56	33.100.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	26,44	11.899.120.000	26,44	11.899.120.000
	100,00	45.000.000.000	100,00	45.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.750.000.000	11.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.000.000.000	6.750.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	6.750.000.000	4.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phần

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	106.234.104.677	80.365.250.717
	106.234.104.677	80.365.250.717

17 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	233.034.406.300	263.261.583.650
	<u>233.034.406.300</u>	<u>263.261.583.650</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	170.169.015.449	189.362.658.697
	<u>170.169.015.449</u>	<u>189.362.658.697</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	5.609.071.910	4.028.333.674
Chiết khấu thanh toán	156.465.000	320.976.538
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	1.513.040.781	3.600.000.000
	<u>7.278.577.691</u>	<u>7.949.310.212</u>

(*) Nhận lợi nhuận liên doanh từ dự án hợp tác đầu tư xây dựng khu dân cư Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng hợp tác liên doanh số 18 ngày 07/08/2009 (giá trị khoản đầu tư theo hợp đồng là 6.816.960.000 đồng đã được Công ty thu hồi vào năm 2012).

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.829.000	108.002.000
	<u>39.829.000</u>	<u>108.002.000</u>

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	47.597.000	40.332.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.000.000	37.250.000
Chi phí khác bằng tiền	23.077.000	-
	<u>89.674.000</u>	<u>77.582.000</u>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.295.536.176	3.649.288.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	271.366.325	264.630.808
Thuế, phí và lệ phí	16.716.836	16.716.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.485.241	47.877.019
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	2.250.000.000
Chi phí khác bằng tiền	2.874.291.233	2.195.928.262
	6.502.395.811	8.424.440.967

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê kho, cửa hàng	121.727.277	106.799.988
Thu nhập từ bán khí Biogas	209.090.908	-
Hoàn chi phí thuê đất nộp thừa các năm trước	416.687.293	-
Thu nhập khác	194.150.454	196.945.143
	941.655.932	303.745.131

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	768.289.422	909.978.543
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt vi phạm môi trường	211.000.000	-
Chi phí khấu hao trại gà không hoạt động sản xuất	96.250.000	120.560.000
Chi thưởng HĐQT, BKS không tham gia sản xuất	147.600.000	116.100.000
Chi hỗ trợ công nhân bị tai nạn lao động	-	60.000.000
Chi phí khác	-	37.120.000
	1.223.139.422	1.243.758.543

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.230.586.241	72.298.196.786
- Các khoản điều chỉnh tăng	454.850.000	344.624.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	63.685.436.241	72.642.820.786
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (thuế suất 15%)	56.690.008.333	-
- Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 22%)	6.995.427.908	72.642.820.786
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.042.495.390	15.981.420.573
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 15%)	8.503.501.250	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	1.538.994.140	15.981.420.573
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.042.495.390	15.981.420.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.444.374.474	(801.918.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.444.374.474)	(11.735.127.921)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	2.042.495.390	3.444.374.474

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	53.188.090.851	56.316.776.213
Các khoản điều chỉnh	(5.318.809.085)	(8.165.932.551)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>(5.318.809.085)</i>	<i>(8.165.932.551)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	47.869.281.766	48.150.843.662
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.638	10.700

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 căn cứ theo phương án dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 22/NQ-ĐH ngày 24 tháng 04 năm 2015: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10%, nếu vượt kế hoạch lợi nhuận được trích tăng thêm nhưng không vượt quá 13%, giao Hội đồng quản trị quyết định mức trích tăng thêm.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.753.165.579	162.502.103.347
Chi phí nhân công	21.248.356.635	21.344.678.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.457.620.421	5.609.851.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.269.600.201	1.933.629.573
Chi phí khác bằng tiền	5.722.857.773	8.149.806.996
	164.451.600.609	199.540.069.398

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.555.113.283	-	57.415.363.476	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	562.528.278	(157.276.435)	662.805.083	(157.276.435)
Các khoản cho vay	55.500.000.000	-	48.000.000.000	-
	125.617.641.561	(157.276.435)	106.078.168.559	(157.276.435)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	1.320.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.102.985.191	17.340.697.616
	15.102.985.191	18.660.697.616

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.555.113.283	-	-	69.555.113.283
Phải thu khách hàng, phải thu khác	405.251.843	-	-	405.251.843
Các khoản cho vay	55.500.000.000	-	-	55.500.000.000
	125.460.365.126	-	-	125.460.365.126
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.415.363.476	-	-	57.415.363.476
Phải thu khách hàng, phải thu khác	505.528.648	-	-	505.528.648
Các khoản cho vay	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
	105.920.892.124	-	-	105.920.892.124

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.102.985.191	-	-	15.102.985.191
	<u>15.102.985.191</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.102.985.191</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	672.000.000	648.000.000	-	1.320.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	17.340.697.616	-	-	17.340.697.616
	<u>18.012.697.616</u>	<u>648.000.000</u>	<u>-</u>	<u>18.660.697.616</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.320.000.000	672.000.000

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ có doanh thu từ hoạt động kinh doanh chăn nuôi heo và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua nguyên liệu, dịch vụ			
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	2.842.686.990	9.947.036.595
- Công ty Nông nghiệp Đồng Nai	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ	1.744.871.765	11.127.663.885
- Trung tâm Văn miếu Trấn Biên	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ	145.063.000	100.000.000
Chi phí thuê đất			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khu liên hợp Công nông nghiệp Đồng Nai (Agropark)	Công ty liên kết	2.627.109.500	2.627.109.400
Lãi cho vay vốn			
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	762.138.890

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Nông nghiệp Đồng Nai	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ	-	790.735.960

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.889.697.200	1.107.438.000

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
121	Đầu tư ngắn hạn	48.000.000.000
131	Phải thu của khách hàng	157.276.435
132	Trả trước cho người bán	618.015.000
135	Các khoản phải thu khác	501.528.648
158	Tài sản ngắn hạn khác	4.000.000
311	Vay và nợ ngắn hạn	672.000.000
312	Phải trả người bán	7.530.927.589
313	Người mua trả tiền trước	358.707.000
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.809.770.027
334	Vay và nợ dài hạn	648.000.000
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	75.865.250.717
418	Quỹ dự phòng tài chính	4.500.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53.461.753.780

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31	Thu nhập khác	487.518.631
32	Chi phí khác	1.427.532.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thu nhập khác

- Thu nhập từ thanh lý tài sản 183.773.500

Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản 1.093.752.043

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	48.000.000.000	-
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	157.276.435	-
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	618.015.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	505.528.648	(4.000.000)
155	Tài sản ngắn hạn khác	-	4.000.000
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	672.000.000	-
311	Phải trả người bán ngắn hạn	7.530.927.589	-
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	358.707.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	9.809.770.027	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	648.000.000	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000	-
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	45.000.000.000	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	80.365.250.717	(4.500.000.000)
			4.500.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53.461.753.780	-
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	1.644.977.567	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay	51.816.776.213	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31	Thu nhập khác	303.745.131	(183.773.500)
32	Chi phí khác	1.243.758.543	(183.773.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thu nhập khác

- Thu nhập từ thanh lý tài sản - 183.773.500

Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản 909.978.543 183.773.500



Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do từ năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính năm nay VND	Trình bày trên báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	10.700	12.515	(1.815)

Người lập



Lê Thị Anh

Quyền Kế toán trưởng



Đinh Trung Liêm

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016



Hà Văn Sơn



Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2016

CTCP CHĂN NUÔI PHÚ SƠN
GIÁM ĐỐC



HÀ VĂN SƠN